TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐST-HNGĐ	*Kon Plông, ngày 24 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Minh T, sinh ngày 1x/0x/197x;
- Bị đơn: Chị Bùi Thị M, sinh ngày 0x/0x/198x;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 370 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Minh T và chị Bùi Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Minh T và chị Bùi Thị M thuận tình ly hôn.
- Về nuôi con chung: Có một con chung là Bùi Tiến Đ, sinh ngày 2x/1x/200x.

+ Anh Bùi Minh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Tiến Đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Chị Bùi Thị M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Minh T không yêu cầu chị Bùi Thị M cấp dưỡng nuôi con chung. Nên chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Anh Bùi Minh T và chị Bùi Thị M mỗi người nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh T tự nguyện nhận nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị M và chị M đồng ý, tổng cộng anh T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng mà anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0003614 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho anh Bùi Minh T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Chị Bùi Thị M không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm (vì anh Bùi Minh T nhận nộp thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ